

SỰ SÁNG TẠO THỂ THƠ ĐẦU TIÊN TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM THỜI TRUNG ĐẠI

Nguyễn Phạm Hùng ⁽¹⁾

Thơ *thất ngôn xen lục ngôn* (TNXLN) là một thể thơ xuất hiện từ thời Trần, trưởng thành ở thời Lê, được đánh dấu bởi tên tuổi những nhà thơ lớn như Nguyễn Trãi (1380-1442), Lê Thánh Tông (1442-1497) và các thi sĩ trong Hội Tao đàn, Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585), Trịnh Căn (1633-1709), Nguyễn Hữu Chính (? - 1787)... Nhưng việc xác định nó có phải là một thể thơ riêng của Việt Nam hay không và vị trí của nó trong lịch sử văn học như thế nào đang là vấn đề gây nhiều tranh luận. Có người cho rằng nó chỉ là một "biến thể" của thơ Đường luật Trung Quốc trong văn học Việt Nam. Có người lại quả quyết rằng nó là một thể thơ riêng của Việt Nam.

Người viết bài này là một trong những người chủ trương cho rằng thể thơ này là một thể thơ riêng của Việt Nam, hơn nữa còn "là sự sáng tạo thể loại đầu tiên của Việt Nam"[13]. Việc xác quyết đó là vô cùng quan trọng đối với sự nhận diện tiến trình phát triển của lịch sử văn học dân tộc. Nó có thể bổ sung cho những phần còn thiếu của bức tranh văn học thời cổ xưa của Việt Nam.

Vì thế, việc trao đổi học thuật về vấn đề này là rất cần thiết, nhằm tìm kiếm lời giải cho một hiện tượng văn học độc đáo tồn tại hàng mấy trăm năm trong văn học trung đại Việt Nam. Khi mà những ảnh hưởng của chữ Hán và thể

loại văn học Trung Quốc đè nặng lên nền văn học dân tộc cả nghìn năm, thì sự sáng tạo thể loại này khiến chúng ta không thể không nghiêm túc nhìn nhận, nâng niu trân trọng và tự hào một cách chính đáng. Đây không chỉ là vấn đề của văn học, mà còn là vấn đề của văn hoá, của bản lĩnh, tinh thần và khí phách dân tộc.

Câu chuyện cho đến nay vẫn chưa có hồi kết, mặc dù đã có khá nhiều "kết luận" về nó. Thậm chí, việc nghiên cứu về thể thơ này trên nhiều phương diện vẫn còn là những "giả thiết", "trao đổi", "tìm hiểu", "đặt vấn đề"... và trong tình trạng còn những ý kiến chưa thống nhất. Vì thế, trong bài viết này, chúng tôi xin được tiếp tục trao đổi về *nguồn gốc* và *hình thức* của thể thơ này, nhằm mục đích góp phần trả lời cho câu hỏi: Thơ TNXLN có phải là thể thơ riêng do người Việt Nam lần đầu tiên sáng tạo hay không?

1. Về nguồn gốc thể thơ thất ngôn xen lục ngôn

Về nguồn gốc của thể thơ TNXLN nói chung, của câu thơ lục ngôn nói riêng, hiện vẫn còn nhiều *giả thiết*. PGS. Phan Ngọc cho rằng: "Loại thơ trong đó những câu 6 chữ thay thế những câu 7 chữ của Trung Quốc, hoặc là thay thế toàn bộ các câu, hoặc chỉ xuất hiện ở một vài câu, theo tôi quan niệm, là sự lặp

⁽¹⁾ TS. Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân Văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

ghép giữa thể thơ dân tộc với thơ Đường. Loại thơ 6 chữ là rất hiếm ở Trung Quốc, người ta chỉ có thể dẫn một bài thơ của Lương Hồng đời Hán, vậy có thể *giả thiết* rằng vào thế kỷ XV và trước đó thể thơ này rất thịnh hành ở Việt Nam"[21]. GS. Nguyễn Ngọc San viết: "Còn nguồn gốc của các câu lục ngôn trên thì *có thể* mượn từ người Trung Hoa qua các từ khúc của họ, nhưng *có lẽ* đây là một nét sáng tạo của người Việt Nam lấy ra từ thể thơ lục bát trong các bài hát cửa đình từ thời Lý Trần"[12]. Nhà nghiên cứu Phạm Luận lại cho rằng nó có nguồn gốc không phải từ thơ ca dân gian của Việt Nam, cũng không phải là từ câu thơ lục ngôn của Trung Quốc, mà từ câu thơ thất ngôn luật của Trung Quốc nhưng được giảm đi một chữ (một bước thơ): "Câu lục ngôn ta thấy không phải do Nguyễn Trãi sử dụng câu thơ dân gian Việt Nam. Nó được hình thành từ chính câu thất ngôn Đường luật. Mỗi câu lục ngôn được tạo ra chỉ bằng cách là giảm đi một chữ ở câu thất ngôn luật Đường". Và "câu lục ngôn trong *Quốc âm thi tập* cũng không phải do Nguyễn Trãi mượn từ thể lục ngôn luật Đường của Trung Quốc... Chẳng phải vì kiệm chữ mà là muốn làm cho câu thơ, bài thơ có thêm tiết điệu"[16]...

Việc xác định nguồn gốc của câu thơ lục ngôn trong thể thơ TNXLN cho đến nay vẫn còn những ý kiến khác nhau, và đang được các nhà nghiên cứu tiếp tục chứng minh.

Chúng tôi cho rằng, câu thơ lục ngôn nói riêng và thể thơ TNXLN nói chung có nguồn gốc từ thơ thất ngôn luật Đường của Trung Quốc. "Sự thật thì về hình thức diễn đạt của câu thơ, thể thơ trong *Quốc âm thi tập* đều có gốc từ thơ thất

ngôn luật Đường của Trung Quốc. Trong *Quốc âm thi tập* vừa có nhân tố hợp luật Đường vừa có nhân tố phi luật Đường. Những nhân tố phi luật Đường hoặc là do tác giả phát triển từ tiềm năng sẵn có trong thơ của các thi sĩ Đường Tống hoặc là do tác giả cải biến từ nhân tố hợp luật Đường mà thành"[16]. Ở thế kỷ XV, "người ta dùng chữ Nôm sáng tác theo luật thơ, luật văn Trung Quốc... Thành tựu nhất là thơ TNXLN... Điều đáng chú ý nhất là cấu tạo câu thơ 6 chữ. Đó thực chất là những câu thơ 7 chữ trong thơ thất ngôn luật Trung Quốc bị giảm bớt đi một chữ" [14, tr.63]. "Thơ TNXLN ra đời đánh dấu sự trưởng thành của người Việt Nam trong sáng tạo nghệ thuật. Đến thời kỳ này, hình thức nghệ thuật thơ ca Trung Hoa dường như không hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của sự phô diễn tâm hồn con người. Vì vậy mà người Việt đã tự tạo thể loại cho mình. Thơ TNXLN là một thể loại mang "thi pháp Việt Nam", song thi luật của nó không chặt chẽ và cố định, vì vậy nó dường như không có khả năng tồn tại vững chắc và ổn định trong đời sống văn học. Mặc dầu vậy, nó vẫn tồn tại khá lâu dài trong văn học Việt Nam, từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVIII, như một hiện tượng độc đáo của nghệ thuật thơ tiếng Việt, dù *dường như luôn luôn trong tình trạng thử nghiệm*"[14, tr.69]...

Đúng là "các kết luận quy chuẩn của các nhà nghiên cứu trước đây khẳng định thể thơ TNXLN thực sự là một bước *phá cách*, một cố gắng *tim tòi, sáng tạo* của cha ông ta, song trước sau nó vẫn phải nương tựa trên nền tảng thi pháp Đường luật..."[10]. Chúng ta không thể

“khu biệt, cắt đứt thơ Nôm TNXLN khỏi truyền thống Đường thi”[10].

Thể thơ này có nguồn gốc từ Đường thi, nhưng được tái tạo, cải biên (hay tiếp biến) để trở thành thể thơ riêng của Việt Nam. Để có được sự chuyển biến từ thể thơ Đường thất ngôn luật của Trung Quốc thành thể thơ TNXLN của Việt Nam là cả một quá trình sáng tạo hết sức táo bạo của người Việt Nam. Đó là những sáng tạo hình thức thơ có *tính Việt Nam*, hay có *tính thuần Việt* đầu tiên của cha ông ta.

Vấn đề là ở chỗ, chúng ta *quan niệm như thế nào về “tính thuần Việt” - “tính chất Việt Nam” của thể thơ*. Điều đó phụ thuộc rất nhiều vào quan điểm của từng nhà nghiên cứu. “Tính thuần Việt” hay “tính chất Việt Nam” của thể thơ, theo chúng tôi, được xác lập dựa trên hai yếu tố căn bản, đó là việc “sử dụng *chữ Nôm* làm chất liệu, sử dụng *câu thơ tiếng Việt* làm cơ sở”.

Chữ Nôm và *câu thơ tiếng Việt* rõ ràng không phải là của người Trung Quốc. Song nó không hề đoạn tuyệt hay cắt đứt liên hệ với nguồn gốc văn hoá và văn học Trung Quốc. *Chữ Nôm* của người Việt trong thể thơ này được tạo dựng trên cơ sở chữ Hán của Trung Quốc. *Câu thơ tiếng Việt* của người Việt trong thể thơ này (cũng như trong một số thể thơ khác của người Việt) cũng được tạo dựng trên cơ sở câu thơ Đường luật của Trung Quốc. Nhưng chúng mang “tính thuần Việt”, “tính Việt Nam”. Đây là câu thơ Việt Nam, không phải là câu thơ Trung Quốc. Sự khác biệt đó chúng tôi sẽ nói tới ở phần sau. Phải hiểu tính thuần Việt như vậy chúng ta mới có thể tự hào một

cách chính đáng và không từ bỏ những thành quả vĩ đại mà cha ông ta đã khổ công sáng tạo trong những điều kiện lịch sử hết sức ngặt nghèo, khi mà chữ Hán và văn hoá, văn học Hán đang độc bá trong đời sống Việt Nam cổ xưa.

Theo chúng tôi, nếu hiểu tính thuần Trung Hoa của Đường thi là ở chỗ những gì Đường thi có mà Việt Nam không có, thì tính thuần Việt của thể thơ TNXLN là ở chỗ những gì thể thơ TNXLN có mà Trung Hoa không có. *Câu thơ lục ngôn* và di liên với nó là *nhịp, vần, tiết điệu, kiểu câu, từ thuần Việt...* của thể TNXLN mà Đường thi không có, chính là “tính thuần Việt” của thể thơ này. *Câu thơ lục ngôn*, theo chúng tôi, khó có cơ sở là câu thơ được mượn từ từ khúc Trung Hoa, hay là câu thơ trong thơ lục bát. Bởi nhiều khả năng câu lục ngôn này có trước câu lục trong thơ lục bát, thậm chí, như có nhà nghiên cứu quan niệm, có thể là cơ sở của sự hình thành câu thơ lục bát. Trong khi đó, qua khảo sát, chúng ta có thể xác định được chúng là câu thơ được hoán cải trên chính câu thơ thất ngôn luật Đường. Vì thế, dấu vết về niêm, luật, vần, đối của câu thất ngôn vẫn in hằn rất rõ trong nhiều câu lục ngôn. Nhưng do nhịp ngắt và tiết điệu thay đổi, nên chúng trở thành câu thơ Việt chứ không phải là câu thơ Trung Hoa.

Đây không phải là một thể thơ thuần Việt, hay một thể thơ có nguồn gốc thuần Việt. Nhưng đây là một thể thơ “mang *tính thuần Việt*” và được xác lập bởi “tính thuần Việt” này. Đây là thể thơ của người Việt chứ không phải của người Trung Hoa chính là vì “*tính thuần Việt*” đó. Nói tới thể thơ TNXLN, chúng ta chỉ

có thể nói tới "*tính thuần Việt*" của nó mà thôi, chứ không thể nói nó là "*thể thơ thuần Việt*" hay "*thể thơ có nguồn gốc thuần Việt*". Nó có nguồn gốc từ Đường thi. Qua thể thơ này, chúng ta có thể thấy được những sáng tạo riêng của người Việt Nam. Điều đó là vô cùng đáng quý. Trước thể thơ này chưa bao giờ có một cuộc cải cách lớn như vậy trong văn học Việt Nam, bởi chúng ta chủ yếu tiếp thu hầu như nguyên vẹn các hình thức văn học của Trung Quốc. Chỉ bắt đầu từ thể thơ này, chúng ta mới được chứng kiến một hình thức nghệ thuật đi chệch khỏi hình thức nghệ thuật vốn có của Trung Quốc một cách thực sự đáng kể. Vì thế có người cho rằng đây chính là một cuộc cách mạng đầu tiên trong thi ca của Việt Nam, cũng không phải là hoàn toàn không có cơ sở.

2. Về hình thức của thể thơ thất ngôn xen lục ngôn

Phải chăng hình thức của thể thơ TNXLN là "hoàn toàn tuân thủ nghiêm ngặt *thi luật* thơ Đường"? Hay: "Toàn bộ kiểu thơ Nôm xen câu lục ngôn vẫn tuân thủ theo đúng *hình thức quy phạm* của thơ Đường luật"[9]? Hay đây chỉ là "*một thể thơ Đường luật* nhưng đã được chuyển đổi, sáng tạo theo một hướng mới..."[8]? Nguyễn Quân viết: "Những bài thơ của Trạng Trình căn bản cũng là *thơ Đường luật*, cái chỗ có những bài thơ 6 câu hoặc những câu 6 chữ chỉ là do *sự không câu nệ của tác giả* mà ra"[15]. GS. Nguyễn Ngọc San "cho rằng những bài thơ có xen câu lục ngôn xuất hiện từ Nguyễn Trãi đến Hồ Xuân Hương hoàn toàn có thể được coi là *một bộ phận độc đáo* của thơ Nôm Đường luật nói chung"[12]...

Những càng đi sâu nghiên cứu thì chúng ta thấy xuất hiện những khoảng cách ngày càng xa giữa hình thức của thể thơ TNXLN so với "*hình thức quy phạm của thơ Đường*", giữa *thi luật* của thể thơ TNXLN (mà có người cho là bắt đầu bộc lộ một "*thi pháp Việt Nam*") với *thi luật* thơ Đường. Càng ngày chúng ta càng khám phá ra nhiều điều mới lạ trong hình thức và *thi luật* của thể thơ này. Nó không còn "*tuân thủ nghiêm ngặt*", không còn "*theo đúng hình thức quy phạm của thơ Đường luật*" nữa. Nếu thừa nhận thể thơ TNXLN "*thực sự là một bước phá cách, sáng tạo của cha ông ta*", thì nó không thể chỉ là *một hình thức đặc biệt, hay một bộ phận độc đáo của thơ Đường luật Trung Quốc, ở Việt Nam* mà thôi.

Chúng tôi cho rằng, "*những sáng tạo này đã làm thay đổi căn bản thi luật* thơ Đường chứ không phải chỉ là vẫn tuân thủ đúng theo hình thức quy phạm của thơ Đường, hay chỉ là "*do sự không câu nệ*" của các nhà thơ khi sáng tác"[13]. Đây "*là loại thơ do người Việt Nam cải biên và sáng tạo trên cơ sở hình thức thơ Đường, làm thành một lối thơ riêng của người Việt Nam mà Trung Quốc không có, gọi là thơ thất ngôn xen lục ngôn. Hình thức loại thơ Nôm do người Việt Nam tự sáng tạo này có đặc điểm chính là sự đan xen các câu thơ sáu chữ với các câu thơ bảy chữ, nhằm tạo ra những kiểu câu thơ mới, những tiết tấu mới, những vần nhịp mới phù hợp với việc diễn tả tâm trạng của người Việt Nam hơn. Trong thơ Nôm TNXLN, câu thơ sáu chữ được tạo ra trên cơ sở của câu thơ bảy chữ trong thơ Đường luật, bằng cách giảm đi một chữ (một bước thơ), để tạo*

nên nhịp, vần, tiết điệu gắn với lời nói tiếng Việt hơn. Câu thơ bảy chữ của loại thơ TNXLN cũng có những biến đổi rất lớn về nhịp, vần, tiết điệu so với câu thơ Đường luật"[13].

Cần quan niệm như thế nào về "thi luật thơ Đường", về "hình thức quy phạm của thơ Đường"? Đó phải chăng chỉ là niêm, luật, vần, đối, số câu? Đúng là "hình thức quy phạm của thơ Đường", "thi luật thơ Đường" thể hiện ra rất rõ ở niêm, luật, vần, đối, số câu của các bài thơ. Nhưng đối với thành trì gần nghìn năm của luật thơ Đường, đối với khả năng "áp chế" dữ dội của văn hóa và văn học Trung Hoa lên toàn bộ văn hóa và văn học Việt Nam thời trung đại, thì chúng ta sẽ phải hiểu như thế nào đây việc thay đổi, tháo dỡ, sắp xếp lại, bỏ bớt dù chỉ một chữ nhưng ở rất nhiều vị trí của câu thơ thất ngôn và ở tất cả các câu thơ thất ngôn trong cấu trúc rất ổn định và vững chắc của bài thơ thất ngôn Đường luật, để tạo nên câu thơ lục ngôn với nhịp ngắt, tiết điệu, kiểu câu riêng và bài thơ TNXLN riêng của Việt Nam? Đó đâu phải đơn giản chỉ là một sự "bất chước", mà là một việc "làm nhiều hơn thế", một sự "sáng tạo"[11, tr.148].

Trong thơ TNXLN, *câu thơ 6 chữ* là cái "mã" quan trọng nhất của hình thức thể thơ này. PGS. Lã Nhâm Thìn viết: "Những câu thơ 6 chữ... trở thành một trong những cái "mã" của thể loại"[6, tr.40]. PGS. Phan Ngọc chỉ rõ: "Loại thơ 6 chữ là rất hiếm ở Trung Quốc, người ta chỉ có thể dẫn một bài thơ của Lương Hồng đời Hán, vậy có thể giả thiết rằng vào thế kỷ XV và trước đó, *thể thơ này rất thịnh hành ở Việt Nam*"[21]. Nhà thơ Hoàng Trung Thông và GS. Nguyễn Huệ

Chi viết: "Ông đã mạnh dạn *từng bước rời bỏ thể thơ Đường, tìm kiếm những hình thức riêng* để biểu đạt ngôn ngữ thi ca dân tộc. Bằng nhiều cách, Nguyễn Trãi đã dùng bằng được câu thơ 6 chữ, đặt nó ở những vị trí khác nhau, trong âm vận cho phép của *câu thơ Việt* (NPH nhấn mạnh) mà vẫn không bỏ mất tính chất đối của thơ Đường"[5, tr.305]. GS. Đặng Thai Mai khẳng định: "Trong kỹ thuật viết thơ của Nguyễn Trãi rõ ràng có một cố gắng để *xây dựng một lối thơ Việt Nam*, trong đó câu thơ 6 tiếng dùng xen với những câu thơ 7 tiếng, *khác hẳn với quy cách, niêm luật thơ Đường*"[2]...

Nếu như "nhịp điệu là linh hồn của thơ"[3, tr.16], và "lối kiến tạo tiết tấu là căn cứ để phân biệt đâu là câu thơ Việt Nam, đâu là câu thơ ngoại lai"[20] thì *nhịp điệu, tiết tấu* cũng là một cái "mã" có "tính Việt Nam" quan trọng bậc nhất của thể thơ TNXLN so với thơ Đường luật. *Cách hiệp vần* chính là một cách tạo nên nhịp điệu, tiết tấu riêng của thể thơ. Phạm Luận viết: "Dùng chữ hiệp vần cũng chệch rất xa luật dùng chữ hiệp vần theo Quảng vận. Có lẽ đây là hiện tượng chính để có thể nói Nguyễn Trãi đã Việt hoá thể thơ luật Đường mượn của Trung Quốc. Nguyên nhân là do ngôn ngữ trong *Quốc âm thi tập* từ thuần Việt chiếm tỷ lệ rất cao, hơn nữa ông lại ưa thích dùng những từ thuần Việt vào vị trí các "nút tiếng vọng"[16]. Và: "Có thể nói cách dùng chữ gieo vần của thơ chữ Hán luật Đường dựa vào mất, còn ở thơ Nôm thì dựa vào tại... *Lối cấu tạo nhịp* trong thơ Nôm Nguyễn Trãi cũng có nét khác với thơ thất ngôn luật Đường ở Trung Quốc"[18]. "Thơ Nguyễn Trãi không gieo vần lưng, nhưng sáng

kiến đề xuất một lối thơ cách luật, trong đó câu 6 tiếng xen với câu 7 tiếng... phải chăng bắt nguồn từ sự ưa thích vốn có trong sáng tác thơ ca của người Việt Nam"[19]...

Kiểu câu cũng là một cái “mã” có “tính thuần Việt” rất quan trọng: “Cũng cần kể thêm khả năng dồi dào trong kết hợp tiếng thanh bằng với thanh trắc để tạo ra những kiểu câu khác nhau. Nếu ở thể thất ngôn luật Đường chỉ có bốn kiểu câu chính thì thể lục ngôn trong thơ Nôm có tới 27 kiểu”[16]... Và còn những cái “mã” nghệ thuật “có tính thuần Việt” khác nữa của thể thơ này mà chúng ta cần tiếp tục xác định và chứng minh.

Nói như PGS. Ngô Đức Thọ: “Một sự thay đổi... như vậy đối với luật thơ nổi tiếng như luật thơ Đường, đích thực là một sự kiện lớn của nền văn học dân tộc. Sự ra đời của nó tất phải có những lý do nào đó được thừa nhận là cần thiết chứ không phải chuyện tùy hứng, ngẫu nhiên”[7].

Hàng loạt các nhân tố của hình thức và thi luật Đường thi đã bị phá vỡ, tất nhiên là bị “phá vỡ so với cấu trúc chính thể điển hình của Đường thi”. Phá vỡ để mà “tồn tại song song” với “cấu trúc chính thể điển hình của Đường thi” trong hàng vài bốn trăm năm ở Việt Nam, đây quả thực không phải là một chuyện nhỏ. Thi luật của Đường thi, hình thức điển hình của Đường thi chẳng thể nguyên vẹn khi mà số chữ, vần, nhịp, tiết điệu, ngôn từ, kiểu câu... và hàng loạt vấn đề khác nữa của “nội dung thể loại” mang tính Việt Nam mà chúng tôi chưa đề cập đến ở đây, trở thành những giá trị căn bản của thể thơ này. Các thi sĩ tài danh

nhất của mấy thế kỷ xưa đâu “chỉ phá cách, giản lược đi một chữ” của một vài câu thơ Đường luật? Nếu chỉ có thế, thơ TNXLN của họ làm sao “đã được coi là “sự sáng tạo thể loại đầu tiên của Việt Nam”[10]? Các thi sĩ tài danh bậc nhất xưa đã tạo ra được mấy trăm bài thơ TNXLN phổ biến trong hàng mấy trăm năm, bài ít nhất có một câu lục ngôn, bài nhiều nhất có tới tám câu lục ngôn, với bao biến thái kỳ diệu về vần điệu, thanh luật hay cấu trúc câu thơ. Đây là chưa kể đến những thay đổi cũng hết sức to lớn ngay trong nhiều câu thơ bảy chữ của thể thơ này so với những câu thơ bảy chữ của thơ Đường luật Trung Quốc.

Một điều rất cần được lưu ý là, muốn biết thể thơ TNXLN có phải là thể thơ riêng của Việt Nam hay không, trước hết cần so sánh hình thức của nó với hình thức thơ Đường của Trung Quốc. Cho đến nay, công việc này mới chỉ được tiến hành một lần đối với thể thơ trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi. Kết quả, như chúng tôi thấy, đây không phải là hình thức của Đường thi Trung Quốc [16]. Và cũng cần lưu ý tới thái độ của người Trung Quốc đối với thể thơ này. Cho đến nay, chúng tôi chưa thấy có một công trình nghiên cứu nào của Trung Quốc, cũng như chưa thấy có nhà nghiên cứu người Trung Quốc nào chứng minh rằng thể thơ TNXLN là một thể của thơ Đường thi Trung Quốc. Thậm chí, chính họ cho đây là một sáng tạo hình thức nghệ thuật của riêng người Việt Nam, tuy chịu ảnh hưởng của Đường thi, nhưng trong xu thế “nỗ lực thoát khỏi ảnh hưởng của Đường thi”, như đánh giá của Thi Duy Quốc: “Giá trị văn học của *Quốc âm thi tập* là ở chỗ nó ra đời trong

bối cảnh Hán ngữ độc bá trên văn đàn, nên sáng tác nó thực không dễ. Sau nữa, sự xuất hiện thơ lục ngôn lộ rõ tác giả đang *nỗ lực thoát khỏi ảnh hưởng của Đường thi*”[22, tr.207].

Bằng vào việc phân tích nghiêm túc hiện tượng văn học này, nhiều nhà nghiên cứu đã cùng gặp nhau trong một quan điểm, xem đây là *một sự sáng tạo hình thức nghệ thuật độc đáo đầu tiên của riêng Việt Nam*. Nó dựa trên Đường thi của Trung Quốc, nhưng nó không phải là thi luật và hình thức nghệ thuật của Đường thi Trung Quốc. Trong toàn bộ thi ca Trung Quốc, không hề có hình thức nghệ thuật này với tư cách là một thể thơ độc lập, tập hợp được nhiều nhà thơ trong mấy trăm năm như ở Việt Nam. Hà Xuân Liêm viết: “Thơ quốc âm phối thai từ thời Trần, chịu ảnh hưởng nhiều của Trung Quốc, qua thế kỷ XV, XVI thơ mới thành lập và *thể lục ngôn ra đời tạo ra lối thơ đặc biệt của ta*”[4, tr.14]. Lê Nhâm Thìn tuy gọi thể thơ TNXLN là “thơ Nôm Đường luật biến thể”, nhưng thừa nhận rằng “Nguyễn Trãi là người thể hiện mạnh mẽ *xu hướng phá cách* trong sáng tác Đường luật Nôm”, và khẳng định, “với *Quốc âm thi tập*, Nguyễn Trãi là người, *trên thực tế đã sáng tạo thể thơ mới*”, hay “Nguyễn Trãi là tác giả đi tiên phong trong việc *phá vỡ cấu trúc câu thơ, làm thay đổi hình thức vốn có của Đường luật*”[6, tr.41, 210]. GS. Trương Chính cho rằng: “Nếu Hán luật là thứ thơ Nôm mà ta thấy thịnh hành ở thế kỷ XV từ Nguyễn Trãi cho đến đời Hồng Đức thì *nó không hoàn toàn là thơ luật Đường... Chắc đó là một thể loại mới do cha ông chúng ta tạo ra trên cơ sở câu thất ngôn, trong lúc*

niêm, luật, đối, gieo vần vẫn theo luật Đường”[23]. GS. Đặng Thai Mai khẳng định: “Trong kỹ thuật viết thơ của Nguyễn Trãi rõ ràng có một cố gắng để *xây dựng một lối thơ Việt Nam...*”[2].

GS. Nguyễn Huệ Chi từ rất sớm đã đoán định nó là một thể thơ riêng của người Việt “vốn từ đầu đã *tồn tại song song*” với thể thơ Nôm Đường luật. Ông viết: “Chẳng lẽ sự hoàn chỉnh của Hán luật lại có nghĩa là tiến sát tới Đường luật? Chúng tôi nghĩ rằng áp dụng thể thơ Đường vào thơ Nôm thì nhà Nho nào cũng thành thạo, và có lẽ ngay khi bắt đầu làm thơ Nôm người ta đã biết làm như vậy. Vì đó chỉ là công việc “bắt chước” hơn sáng tạo. Nhưng tinh thần dân tộc đòi hỏi nhà Nho phải làm nhiều hơn thế nữa, phải phối hợp Đường luật với các thể thơ dân gian dân tộc. Vì thế mới xuất hiện Hán Thuyên với Hán luật, Nguyễn Trãi với *Quốc âm thi tập*, Lê Thánh Tông với lời phê bình Lương Như Hộc và Nguyễn Vinh Trinh.... Và Hán luật phát triển sẽ *đưa tới các áng thơ lục bát, song thất lục bát* thành văn điêu luyện, trong khi đó dòng thơ Đường luật cũng phát triển, đưa tới những tác phẩm điêu luyện về sau như thơ Hồ Xuân Hương, thơ Bà huyện Thanh Quan...”[11, tr.148]. Còn nhà nghiên cứu Phạm Luận, trong khi chứng minh sự hiện tồn “thi pháp Việt Nam” của thể thơ, đã khẳng định rất dứt khoát: “Tóm lại, không có bài thơ cổ phong nào, điệu tử nào của Trung Quốc có hình thức, cấu trúc giống với thơ Nôm TNXLN. Thể thơ Nôm TNXLN là do người Việt Nam sáng tạo, *nó là thể thơ của ta*”[17]...

Việc các nhà nghiên cứu quan tâm nhiều đến thể về nguồn gốc và hình thức

thể loại của thể thơ TNXLN, nhất là sự khác biệt về hình thức với Đường thi Trung Quốc, là có lý do của nó. Đó là những cố gắng không mệt mỏi của giới nghiên cứu nhằm mục đích xác định rõ sự sáng tạo hình thức nghệ thuật này của riêng Việt Nam.

Còn cần rất nhiều tìm tòi, khám phá về cả nghệ thuật và tư tưởng thẩm mỹ của thể thơ. Dù đây có là một sự thể nghiệm về thể loại, nhưng thành công của nó thật sự to lớn khi tạo ra được một thể thơ đầu tiên của riêng Việt Nam. Thể thơ đó không phải chỉ là cái bóng của thơ Đường, không phải “hoàn toàn tuân thủ nghiêm ngặt thi luật thơ Đường”, hay “tuân thủ đúng theo hình thức quy phạm của thơ Đường”. Bề ngoài nó có dáng vẻ của một thứ “hàng ngoại”, nhưng nếu nhìn kỹ, nó chính hiệu là “hàng nội”. Nó không phải được sinh ra bên sông Hoàng Hà hay sông Tiền Đường. Nó được sinh ra bên dòng sông Hồng của văn hoá Thăng Long. Cũng giống như nhiều giá trị văn hoá và văn học khác của Việt Nam chịu ảnh hưởng của Trung Hoa, nó là một thể thơ có “nguồn gốc” Trung Hoa, nhưng lại hoàn toàn mang “căn cước” Việt Nam.

Việc xác định nguồn gốc và hình thức, hay là “sự sáng tạo thể loại đầu tiên của Việt Nam” của thể thơ TNXLN luôn gắn bó chặt chẽ với quy luật tiếp nhận và sáng tạo của văn học Việt Nam thời cổ xưa, trong quỹ đạo văn hoá và văn học Trung Hoa. Quy luật tiếp nhận và sáng tạo đó đã góp phần xác định và lý giải những giá trị Việt Nam không chỉ của thể thơ TNXLN, mà còn của nhiều thành tựu nghệ thuật khác nữa có ảnh hưởng Trung Quốc như thơ Thiền, thơ

Đường luật, các loại văn biền ngẫu, các hình thức văn xuôi, hay thậm chí cả đối với những tác phẩm mang đậm “tính thuần Việt” như *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ, *Truyện Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du... Có nghĩa là, việc nghiên cứu nguồn gốc và hình thức của thể thơ TNXLN phải luôn luôn đặt trong quá trình “nghiên cứu chỉnh thể Hán văn hóa”. Nó chính là một bộ phận hữu cơ của “chỉnh thể Hán văn hóa” đó... Nhưng điều quan trọng hơn, là nó đã mang những ý nghĩa và giá trị Việt Nam trong cái “chỉnh thể Hán văn hóa” đó.

Có người cho rằng, thơ TNXLN xuất phát từ thơ Đường luật Trung Quốc, trải qua những thử nghiệm sáng tạo mới nhưng bất thành, cuối cùng lại quay trở về với Đường luật. Chúng tôi lại nghĩ khác, nó xuất phát từ Đường luật, trải qua những thử nghiệm sáng tạo với mong muốn “hoán cốt đột thai” để tạo ra thể thơ mới, “tồn tại song song” với Đường luật (điều này được thể hiện rất rõ ngay trong cùng một tập thơ Nôm của các nhà thơ Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bình Khiêm...), nhưng do không tạo được một thi luật ổn định và vững chắc, nên cuối cùng đã tự triệt tiêu.

Trong khi cố gắng kiên trì “tháo dỡ”, “sắp xếp lại”, “tự do hoá” cho ngôn ngữ thi ca Việt Nam thoát khỏi ràng buộc của thi luật thơ Đường, thơ TNXLN trở thành thể thơ khá “tự do” của đương thời. Điều đó đem đến cho đời sống văn học nhiều sự mới lạ, nhưng do không hướng tới những hình thức quy phạm chặt chẽ vốn là nguyên tắc của mỹ học trung cổ, nên nó không thể phổ biến rộng rãi cũng như không thể “cạnh tranh”

được với sự ổn định và vững chãi của Đường luật. Hơn nữa, nó không hoàn toàn thoát ra khỏi ảnh hưởng của Đường luật để tạo nên một luật thơ đủ sức đối kháng với luật thơ Đường, nên khó có thể tồn tại lâu dài. Những thể nghiệm bất thành đó cũng là điều là điều dễ hiểu. Nhưng nó thật sự là đáng kể khi đã ít nhiều làm xao động mấy trăm năm thơ ca trung đại.

Xin tạm khép lại bài viết nhỏ này bằng một ý kiến của GS. Đặng Thai Mai: "Để trở lại vấn đề "ảnh hưởng" của thơ Trung Quốc, tôi sẽ nhắc lại đây một bài *minh* về cái vạc (đỉnh). Chúng ta biết rằng đỉnh là một thứ "thần khí" tượng trưng cho sự thiêng liêng của ngôi vua

bên Trung Quốc. Ở nước ta thường thường các chùa cổ cũng đúc vạc để tế tự. Vào cuối thế kỷ XIV, một nhà Nho hay chữ nước ta, đã viết bài minh sau đây:

Chu chi đỉnh, thần khí dã,

Việt chi đỉnh, Phật khí dã.

Thần dị biến, Phật thường lạc,

Y! Hậu nhân mạc trú thác.

(Vạc nhà Chu là đồ thần, Vạc đất Việt là đồ Phật. Thần dễ đổi thay, Phật thường vui vẻ, Hỡi người sắp tới, chớ có đúc lầm)[1].

Thể thơ thất ngôn xen lục ngôn chính là cái vạc của đất Việt vậy!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thai Mai, Mấy điều tâm đắc khi đọc lại văn học của một thời đại, *Tap chi văn học*, số 6, H., 1974.
2. Đặng Thai Mai, Nguyễn Trãi, *Tap chi văn học*, số 6 - 1976.
3. Đỗ Đức Hiếu, *Thi pháp hiện đại*, (Vấn đề thứ hai: Thi pháp thơ), NXB Hội Nhà văn, H., 2000, tr. 16.
4. Hà Xuân Liêm, *Thơ Nôm Đường luật*, NXB Thuận Hoá, 1997, tr. 14.
5. Hoàng Trung Thông, Nguyễn Huệ Chi, *Vị trí của Nguyễn Trãi trong lịch sử văn học*, Trong Nguyễn Trãi, khí phách và tinh hoa của dân tộc, NXB Khoa học xã hội, H., 1980, tr. 305.
6. Lê Nhâm Thìn, *Thơ Nôm Đường luật*, NXB Giáo dục, H., 1998.
7. Ngô Đức Thọ, Bước đầu tìm hiểu quy tắc Hàn luật, *Tap chi văn học*, số 3 - 1996.
8. Nguyễn Hữu Sơn, Góp phần tìm hiểu hình thức câu thơ lục ngôn trong thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm, *Tap chí Văn học*, số 3 - 1987.
9. Nguyễn Hữu Sơn, Khảo sát hình thức câu thơ lục ngôn trong Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi, *Tap chí Văn học*, số 12 - 1998.
10. Nguyễn Hữu Sơn, Về nguồn gốc và hình thức thể thơ Đường luật xen lục ngôn, *Tap chí Văn học*, số 1 - 2002.
11. Nguyễn Huệ Chi, *Khảo luận văn bản Thơ văn Lý Trần*. T.I, NXB Khoa học xã hội, H., 1977
12. Nguyễn Ngọc San, Về khái niệm thơ Nôm Đường luật xen lục ngôn, *Tap chí Văn học*, số 1 - 2002.

13. Nguyễn Phạm Hùng, Trở lại vấn đề xác định vị trí thể thơ thất ngôn xen lục ngôn trong văn học Việt Nam thời trung đại, *Tạp chí Văn học*, số 12 - 2001.
14. Nguyễn Phạm Hùng, *Văn học Việt Nam - Từ thế kỷ X đến thế kỷ XX*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, H. 1999.
15. Nguyễn Quân, Bạch Vân quốc ngữ thi tập, NXB Sống Mới, S. 1874, Dẫn theo Nguyễn Hữu Sơn, Bdd.
16. Phạm Luận, Nguyễn Phạm Hùng, Một vài nhận xét về mối quan hệ giữa thơ Nôm Nguyễn Trãi và thể thất ngôn luật Đường ở Trung Quốc, *Tạp chí Khoa học*, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 3 - 1997.
17. Phạm Luận, Phạm Phương Thái, Bàn thêm về thể thất ngôn xen lục ngôn. *Tạp chí Văn học*, Số 1 - 2002.
18. Phạm Luận, Đoán định thể nào về thơ Hàn luật, *Tạp chí Văn học*, số 6 - 1996.
19. Phạm Luận, Nguyễn Trãi và thể thơ Việt Nam trong Quốc âm thi tập, *Tạp chí Văn học*, số 4 - 1980.
20. Phạm Luận, Thể loại thơ trong Quốc âm thi tập và thi pháp Việt Nam, *Tạp chí Văn học*, số 4 - 1991.
21. Phan Ngọc, Diễn biến của hình thức song thất lục bát, *Tạp chí Văn học*, số 12 - 1998.
22. Thi Duy Quốc, *Tự Nôm dữ Việt Nam văn hoá*, Trịnh Châu đại học XB, 1990. Dẫn theo Lê Nhâm Thìn, *Thơ Nôm Đường luật*, NXB Giáo dục, H. 1998, tr. 207.
23. Trương Chính, Cha ông ta ta vận dụng các thể loại văn học Trung Quốc như thế nào vào thơ Nôm?, *Tạp chí văn học*, số 2 - 1973.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN, T.XXI, N_o2, 2005

THE CREATION OF THE FIRST POETIC TYPE IN THE VIETNAMESE LITERATURE IN THE MIDDLE AGE

Dr. Nguyen Pham Hung

College of Social Sciences and Humanities, VNU

The heptameter intercalated with hexameter poetry came into being and was maintained in existence from approximately from the 14th century to the 18th century in the Vietnamese Middle Age literature. Some people are of the opinion that it was just a special form of the Chinese Tang poetry, entirely abiding by the strict Tang poetry prosody. Yet, based on the study of the origin, form and on a comparison with the form the Chinese Tang poetry prosody, the article continues to affirm that this type of heptameter intercalated with hexameter poetry is itself a Vietnamese peculiar type of poetry, non-existent in the Chinese poetic treasure. This is a Vietnamese creation as to type, the soonest that has emerged in the Vietnamese literature.